TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/02/2022
Về việc: "Chị C xin ly hôn anh V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Huy và bà Lê Thị Phương Mai.

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị C, sinh năm 1991
HKTT: Thôn K, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Xuân V, sinh năm 1989
HKTT: Thôn K, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội.
Hiện tạm trú tại: 1/25 T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Anh Phạm Huy P, sinh năm 1990
HKTT và cư trú: Thôn X, xã B, huyện L, thành phố Hải Phòng.

Chị C, anh P có mặt. Anh V xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày /12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

Chị kết hôn với với anh Vũ Xuân V là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 20/10/2010. Sau khi cưới, chị C chuyển về xã H chung sống với anh V ngay. Quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, phần cũng do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu trong sinh hoạt hằng ngày. Chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhờ và ly thân anh V từ tháng 02/2014 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên chị xin ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng chỉ có 01 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 23/6/2011 hiện theo bố và ở cùng bà nội tại thôn K, xã H. Ly hôn, chị đề nghị giao cháu Duy A cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng.

Ngoài ra chị còn 02 con riêng trong thời kỳ hôn nhân với anh V là Nguyễn Đức A, sinh ngày 07/6/2015 và Phạm Đoan T, sinh ngày 29/6/2020. Chị đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN để xác định cả hai cháu Đức A và T không phải con chung với anh V, đồng thời truy nhận cha cho con đối với cháu T và anh Phạm Huy P.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Xuân V trình bày như sau:

Anh V xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị C trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, phần do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu khi anh đi làm ăn xa khiến mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Chị C bỏ đi từ tháng 02/2014 và vợ chồng ly thân, không có ý định quay về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn chị C để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Anh V xác nhận vợ chồng chỉ có 01 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 23/6/2011 hiện đang ở cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Duy A và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V xác định 02 cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 07/6/2015 và Phạm Đoan T, sinh ngày 29/6/2020 không phải con chung của anh với chị C, là con riêng của chị C trong thời kỳ hôn nhân và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng đã hết tình cảm, hôn nhân chỉ là hình thức nên anh không đề nghị xử lý chị C về việc vi phạm chế độ một vợ một chồng.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Phạm Huy P trình bày:

Khoảng cuối năm 2019, anh và chị C có quan hệ tình cảm nhưng anh không biết chị C đã có chồng, do đó anh đã đón chị C về nhà mình chung sống cho đến giờ. Gần đây, anh P mới biết chị C vẫn còn ràng buộc quan hệ hôn nhân với anh V và biết rằng, mình đã vi phạm chế độ một vợ một chồng theo quy định của pháp luật, mong Tòa thông cảm. Anh thừa nhận cháu Phạm Đoan T là con đẻ của anh và đề nghị Tòa xác định anh là bố đẻ của cháu để duy trì quan hệ cha con.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để

thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C. Giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 23/6/2011. Xác định cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 07/6/2015 và cháu Phạm Đoan T, sinh ngày 29/6/2020 là con riêng trong thời kỳ hôn nhân của chị Lê Thị C. Xác định anh Phạm Huy P là cha đẻ của cháu Phạm Đoan T. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã H, huyện P, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Lê Thị C kết hôn với với anh Vũ Xuân V là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 20/10/2010. Sau khi cưới, chị C chuyển về xã H chung sống với anh V ngay. Quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, phần cũng do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu trong sinh hoạt hằng ngày khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhờ và ly thân anh V từ tháng 02/2014 đến nay. Phía anh V cũng chuyển vào Nam làm ăn, sinh sống và đang tạm trú tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu hơn 07 năm, các bên đều xác nhận hạnh phúc, tình cảm không còn và mong muốn được ly hôn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng các qui định của điều 52, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh V.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 23/6/2011. Các đương sự và bản thân cháu Duy A đều có nguyện vọng giao cháu Duy A cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do đề nghị của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa chấp nhận.

Về yêu cầu xác nhận cha cho con: Xét đề nghị của chị C yêu cầu xác định các cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 07/6/2015 và Phạm Đoan T, sinh ngày 29/6/2020 đều không có quan hệ cha con với anh Vũ Xuân V, trong đó cháy T là con đẻ của chị C và anh P, tại Tòa, anh V, anh P tửa nhận yêu cầu này của chị C

là đúng. Căn cứ vào Kết luận giám định ADN của Viện pháp y quân đội số HT.29/PY-XNSH/PYQĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 kết luận: Anh Vũ Xuân V và cháu Nguyễn Đức A không có quan hệ cha – con. Anh Phạm Huy P và cháu Phạm Đoan T không có quan hệ cha – con. HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để xác định giữa anh Vũ Xuân V và các cháu Nguyễn Đức A, Phạm Đoan Tkhông có quan hệ cha-con, đồng thời xác định anh Phạm Huy P là cha đẻ của cháu Phạm Đoan T, cần áp dụng các quy định của điều 88,90 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh P còn thừa nhận có hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng, bởi cả hai đã chung sống trong một thời gian dài từ cuối năm 2019 đến nay tại nơi ở của anh P là thôn X, xã B, huyện L, thành phố Hải Phòng. Mặc dù phía anh V không đề nghị xử lý, song HĐXX vẫn nhận thấy cần thiết phải kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra vi phạm xác minh và có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo*:*

Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Vũ Xuân V.

2. Về con chung: Giao anh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Duy A, sinh ngày 23/6/2011.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị C đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

- Xác định anh Vũ Xuân V không phải cha đẻ của cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 07/6/2015 và Phạm Đoan T, sinh ngày 29/6/2020.

- Xác định anh Phạm Huy P là cha đẻ của cháu Phạm Đoan T.

3. Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Các bên không đề nghị Tòa xét. Tòa không xét.

- Kiến nghị UBND xã Bắc Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xác minh, xem xét, xử lý hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng của chị Lê Thị Châm và anh Phạm Huy Phố theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lê Thị C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp

tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0047678 ngày 15/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị C đã nộp đủ án phí LHST.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TATP Hà Nội
- VKSND huyện
- Sở Tư pháp
- UBND xã Hoàng Long
- Chi cục THADS
- Các ĐS
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Quang